

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 57/2020/HNGĐ-ST

Ngày 18 tháng 9 năm 2020

V/v tranh chấp ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

Tthành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Hồng Lam**

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà **Khuru Liên Dung**

2- Bà **Lâm Thị Nguyệt Hồ**

Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Văn Kép** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Lý Thể Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 267/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2020 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N - sinh năm 1980.

Địa chỉ: Khu vực B, Phường B, thành phố V, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần Quốc P - sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số B, Khóm B, Phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Trần Quốc P tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2007, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 16/02/2016. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2014 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, ông P bệnh vực con

riêng của ông P, xúc phạm và lăng mạ bà, xem thường và không tôn trọng bà. Bà N thôi bỏ ông P đi từ năm 2014, đến cuối tháng 6 năm 2020 có quay về chung sống với ông P được 01 tuần, sau đó bỏ đi cho đến nay. Mục đích quay về để hàn gắn lại với nhau nhưng qua 01 tuần chung sống thì vợ chồng không hòa hợp, quan điểm sống khác nhau và không có hạnh phúc nữa. Xét thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông P.

- Về con chung; Về tài sản chung; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Quốc P trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà N tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2007, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 16/02/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng đi Bình Dương làm ăn và sinh sống. Đến năm 2018 vợ chồng xảy ra bất đồng trong công việc, bà N thì muốn đi làm nhiều nơi, ông P muốn ổn định một nơi, nên bà N bỏ đi, thỉnh thoảng có về thăm gia đình. Đến tháng 6/2020 bà N về Bạc Liêu sống cùng ông P, được khoảng 1 tuần thì lại bỏ đi và xin ly hôn. Mâu thuẫn giữa vợ chồng không có gì trầm trọng, ông P còn thương vợ, muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, cho nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung; Về tài sản chung; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tổng đạt các văn bản đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định, không thuộc trường hợp phải thay đổi ai. Vì vậy, về mặt thủ tục tố tụng, Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị.

- Về nội dung vụ án: Có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị N đối với ông Trần Quốc P.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

Bà N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Quốc P nên đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn ông P có nơi cư trú tại thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

[2] Xét thấy bà Nguyễn Thị N, ông Trần Quốc P có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt bà N, ông P theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Trần Quốc P tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 2007, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 2, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 16/02/2016, cho nên hôn nhân giữa bà N và ông P là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Theo quy định pháp luật, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, bà N và ông P xác định trong quá trình chung sống vợ chồng cũng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đã sống ly thân một thời gian.

Bà N xác định đã cho ông P có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng đều không thể hàn gắn được. Ông P cho rằng, có mâu thuẫn giữa vợ chồng nhưng mâu thuẫn không lớn đến mức phải ly hôn, nên không đồng ý ly hôn.

Mặt khác, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng các bên không hàn gắn được tình cảm vợ chồng.

Xét thấy mục đích hôn nhân giữa bà N và ông P không đạt được.

Căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình , Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N, cho bà N được ly hôn với ông P.

[4] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Trần Quốc P xác định quá trình chung sống không có con chung, tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 51; Điều 53; Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị N đối với ông Trần Quốc P. Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Trần Quốc P.
2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.
3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Bà N đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006973 ngày 21/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được chuyển thu toàn bộ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Bạc Liêu
- VKSND thành Tp Bạc Liêu
- CCTHADS Tp Bạc Liêu
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hồng Lam